TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số 57/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29-10-2021
V/v: "*Tranh chấp về ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Bình

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Kha

2. Ông Đào Xuân Nhi

Thư ký ghi biên bản phiên Tòa: Bà Đỗ Thị Nga – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên Tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 225/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 về "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/QĐXX-ST ngày 20 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự;

- **Nguyên đơn**: Bà Đinh Thị H – SN: 1983
- **Bị đơn**: Ông Nguyễn Mạnh S – SN: 1978

Cùng trú tại: Khu phố Tân Đồng 01, phường Tân Thiện, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

(*Các đương sự có đơn xin vắng mặt*)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đinh Thị H trình bày:

Bà H và ông S tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau không ai ép buộc, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Đ "nay là thành phố Đ", tỉnh Bình Phước.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được mọi việc trong gia đình, ông S không quan tâm đến vợ con, bản thân ông S hay uống rượu sau đó về chửi mắng vợ con.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, bà H yêu cầu được ly hôn với ông S.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống bà H và ông S có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2003.

Do cháu L đã trưởng thành và đi làm nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 6 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Mạnh S trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất và đồng ý như lời trình bày của bà H về thời gian vợ chồng chung sống và đăng ký kết hôn.

Về mâu thuẫn gia đình thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là do gia đình bên bà H và bản thân bà H chửi mắng ông S nhiều lần dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được mọi việc trong gia đình, vợ chồng hay cải nhau.

Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông S thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống ông S và bà H có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2003.

Do cháu L đã trưởng thành và đi làm nên ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Toà án nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Toà án:* Đây là vụ án *"Tranh chấp về ly hôn"* do bà Đinh Thị H đứng đơn khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Mạnh S trú tại khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Xét thấy, vào ngày 09 tháng 7 năm 2021 nguyên đơn bà Đinh Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; Ngày 23 tháng 6 năm 2021 bị đơn ông Nguyễn Mạnh S có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc các bên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt là hoàn toàn phù hợp pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng bà H, ông S.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ vào lời trình bày của bà H và ông S và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà H và ông S kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Đ "nay là thành phố Đ", tỉnh Bình Phước, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa bà H và ông S là hôn nhân hợp pháp.

[4]. *Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông S*; Trong quá trình giải quyết vụ án cả bà H và ông S đều thừa nhận từ khi ông bà ở với nhau thì thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là

tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được mọi việc trong gia đình, ông bà hay cải nhau. Bà H yêu cầu được ly hôn với ông S còn ông S không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa bà H và ông S là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không được duy trì nên Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H

[5]. *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. *Về án phí HNGĐ sơ thẩm*: Bà Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H về việc "*Tranh chấp ly hôn"*

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Mạnh S (Bà H và ông S kết hôn ngày 22 tháng 10 năm 2002 theo giấy chứng nhận kết hôn số 158/2002 của Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Đ "nay là thành phố Đ", tỉnh Bình Phước).

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0026357 ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ; Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước.
- VKSND TP Đ;
- CC THA DS TP Đ;
- UBND phường T, Tp. Đ, T. Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Hoàng Hữu Bình